

**ĐỀ CƯƠNG ÔN THI TỐT NGHIỆP**  
**KHOÁ K19 – ĐẠI HỌC (2012-2017)**  
**NGÀNH KẾ TOÁN CHUẨN PSU**

**MÔN KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH**

**Mô tả**

Môn kiến thức cơ sở được thiết kế dựa trên 02 học phần Nguyên lý kế toán 1 (3 tín chỉ) và Kế toán tài chính 1 (3 tín chỉ). Tổng số tín chỉ được thiết kế cho môn kiến thức Cơ sở ngành là 1 tín chỉ.

**Mục tiêu:**

**\* Kiến thức**

- Nêu và hiểu được các đối tượng kế toán, phương trình kế toán, các nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận;
- Nêu và hiểu được khái niệm chứng từ kế toán, các yếu tố cơ bản của chứng từ kế toán;
- Nêu và hiểu được các loại quan hệ đối ứng kế toán, quy tắc định khoản, ghi kép vào tài khoản (TK), các loại TK, TK tổng hợp, TK chi tiết (TK phân tích), mối quan hệ giữa TK tổng hợp và TK chi tiết;
- Nêu và hiểu được phương pháp lập bảng cân đối tài khoản, phương pháp tính giá một số đối tượng chủ yếu;
- Nêu và hiểu được phương pháp lập bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh dạng giản đơn;
- Nêu và hiểu được phương pháp tính giá nhập kho, xuất kho nguyên liệu vật liệu (NVL), Công cụ dụng cụ (CCDC)
- Nêu và hiểu được phương pháp kế toán các nghiệp vụ nhập, xuất NVL, CCDC
- Nêu và hiểu được các phương pháp tính khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)
- Nêu và hiểu được phương pháp kế toán các nghiệp vụ tăng, giảm, khấu hao TSCĐ
- Nêu và hiểu được phương pháp tính tiền lương phải trả và các khoản trích theo lương theo quy định hiện hành
- Nêu và hiểu được phương pháp kế toán các nghiệp vụ tính tiền lương phải trả và các khoản trích theo lương

**\* Kỹ năng:**

- Nhận dạng và phân biệt được các đối tượng kế toán, lập được phương trình kế toán, vận dụng được các nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận;
- Phân biệt được các loại quan hệ đối ứng kế toán, định khoản và ghi kép được 1 nghiệp vụ phát sinh vào tài khoản (TK);
- Lập được bảng cân đối tài khoản, tính giá được một số đối tượng chủ yếu;
- Lập được bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh dạng giản đơn;
- Tính được giá nhập kho, xuất kho nguyên liệu vật liệu (NVL), Công cụ dụng cụ (CCDC)
- Kế toán được các nghiệp vụ nhập, xuất NVL, CCDC

- Tính được khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) theo các phương pháp
- Kế toán được các nghiệp vụ tăng, giảm, khấu hao TSCĐ
- Tính được tiền lương phải trả và các khoản trích theo lương theo quy định hiện hành
- Kế toán các nghiệp vụ tính tiền lương phải trả và các khoản trích theo lương;

**2. Hình thức thi:** Tự luận

**3. Thời gian thi:** 90 phút

**4. Ngôn ngữ sử dụng để làm bài thi:** Tiếng Việt

**5. Nội dung**

#### 5.1. HỌC PHẦN NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN 1

1. Đối tượng của kế toán: Tài sản, Nguồn vốn, Quá trình kinh doanh.

**2. Phương trình kế toán tổng quát, phương trình kế toán cơ bản**

**3. Các nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận. Ví dụ minh họa**

- Nguyên tắc giá phí
- Nguyên tắc thận trọng
- Nguyên tắc phù hợp
- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

4. Khái niệm chứng từ kế toán. Các yếu tố cơ bản của chứng từ kế toán. Ví dụ minh họa

5. Khái niệm quan hệ đối ứng kế toán, các loại quan hệ đối ứng kế toán. Ví dụ minh họa.

6. Định khoản và ghi kép vào TK

7. Phân loại tài khoản kế toán và ý nghĩa của mỗi cách phân loại:

- Phân loại theo công dụng và kết cấu của tài khoản

8. Cách kiểm tra sự phù hợp của số liệu hạch toán tổng hợp. Ví dụ minh họa. (Sử dụng bảng cân đối tài khoản)

9. Tính giá nhập kho một số đối tượng tài sản mua ngoài (Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa), tài sản do doanh nghiệp tự sản xuất (Thành phẩm). Tính giá xuất hàng tồn kho theo các phương pháp: FIFO, Bình quân gia quyền.

10. Cách lập, cơ sở cân đối của Bảng cân đối kế toán,

#### 5.2. HỌC PHẦN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 1

1. Kế toán nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ:

1.1. Tính giá vật liệu, công cụ, dụng cụ

a. Tính giá nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ nhập kho.

+ Nhập kho do mua ngoài.

+ Nhập kho do mua trả chậm, trả góp.

b. Tính giá nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ xuất kho.

+ Tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO).

+ Tính theo phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO).

1.2. Kế toán tổng hợp vật liệu và công cụ, dụng cụ theo phương pháp KCTX

a. Kế toán các nghiệp vụ tăng vật liệu và công cụ, dụng cụ

+ Tăng do mua ngoài.

+ Tăng do mua trả chậm, trả góp.

b. Kế toán các nghiệp vụ giảm vật liệu và công cụ, dụng cụ.

+ Xuất kho cho sản xuất, kinh doanh.

+ Xuất kho đầu tư vào các đơn vị khác (Công ty con, Công ty liên kết, Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát).

+ Xuất trả lại cho người bán.

c. Kế toán các nghiệp vụ liên quan khác khi mua vật liệu, công cụ, dụng cụ.

+ Chiết khấu thanh toán được hưởng.

+ Chiết khấu thương mại được hưởng khi mua vật liệu, công cụ, dụng cụ (chiết khấu sau hoá đơn).

+ Được giảm giá khi mua vật liệu, công cụ, dụng cụ.

+ Vật liệu, công cụ dụng cụ mua trả lại

GHI CHÚ: Không lập bảng phân bổ vật liệu, công cụ, dụng cụ.

2. Kế toán tài sản cố định.

2.1. Kế toán tổng hợp TSCĐ hữu hình và vô hình.

a. Kế toán tổng hợp các nghiệp vụ tăng TSCĐ.

+ Tăng do mua ngoài.

+ Tăng do mua trả chậm, trả góp.

+ Tăng do nhận và nhận lại vốn đầu tư từ đơn vị khác [Công ty con, Công ty liên kết, Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (góp vốn liên doanh)]

b. Kế toán tổng hợp các nghiệp vụ giảm TSCĐ.

+ Giảm do thanh lý, nhượng bán.

+ Giảm do đầu tư vào đơn vị khác (Công ty con, Công ty liên kết, Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát).

c. Kế toán chiết khấu thanh toán được hưởng khi thanh toán tiền mua TSCĐ.

2.2. Kế toán khấu hao TSCĐ hữu hình và vô hình.

+ Tính mức trích khấu hao tháng theo phương pháp đường thẳng.

+ Kế toán trích khấu hao TSCĐ hằng tháng.

+ Kế toán khấu hao trong các trường hợp giảm TSCĐ.

3. Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương

Kế toán tổng hợp tiền lương và các khoản trích theo lương.

+ Kế toán nghiệp vụ tính tiền lương phải trả cho người lao động.

+ Kế toán nghiệp vụ trích KPCĐ, BHXH, BHYT và BHYT.

+ Kế toán các khoản khấu trừ vào lương.

+ Kế toán nghiệp vụ thanh toán các khoản phải trả cho người lao động.

GHI CHÚ: Không lập bảng phân bổ tiền lương và BHXH.

### III. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Th.s. Nguyễn Thị Kim Hương, Giáo trình nội bộ Nguyên lý kế toán 1, Đại học Duy Tân, 2013

2. TS. Trần Đình Khôi Nguyên, Nguyên lý kế toán, NXB Giáo dục, 2009.

4. TS. Nguyễn Thị Đông, Lý thuyết hạch toán kế toán, Nxb Tài chính, 2010.

5. ThS. Nguyễn Phi Sơn, Kế toán tài chính 1, 2011.

6. PGS. TS. Võ Văn Nhị, Kế toán tài chính, NXB Thống kê, 2010.

6. Các tập bài giảng Kế toán tài chính 1, Khoa Kế toán, Đại học Duy Tân, 2011.

7. Các văn bản về kế toán tài chính do Bộ Tài chính ban hành đến tháng 12/2012.

**Đà Nẵng, ngày 23 tháng 02 năm 2017**

**Ban giám hiệu**

**Phòng Đào tạo**

**Khoa ĐTQT**

**Tổ PSU-KKT**